

Số: /KH-UBND Hà Nam, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; căn cứ kết luận của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị Giao ban tuần 33/2024 (Thông báo số 3019/TB-VPUB ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh), Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm triển khai kịp thời, đồng bộ, khoa học và hiệu quả các nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp liên quan được giao tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.

- Xác định rõ các công việc, phân công trách nhiệm thực hiện cụ thể; chủ động giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ đề ra.

- Các nhiệm vụ được xác định có trọng tâm, lộ trình thực hiện đảm bảo tính khả thi. Phân công trách nhiệm theo đúng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời giữa các đơn vị trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Phát triển, sử dụng dữ liệu phải đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu dùng chung của tỉnh, dữ liệu cá nhân. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải đảm bảo nguyên tắc bảo vệ quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp và các chủ thể liên quan.

- Tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Phát triển hạ tầng dữ liệu

a) Hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, khu vực.

b) Các Nền tảng điện toán đám mây và các Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động đảm bảo sẵn sàng đáp ứng 100% nhu cầu lưu trữ, thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh, nhu cầu đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật thông tin theo cấp độ quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

2. Phát triển dữ liệu phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số

a) Các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của tỉnh (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) có nhu cầu kết nối, khai thác, tích hợp, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau, được đáp ứng 100% yêu cầu thông qua các Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

b) 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở đảm bảo chất lượng (không trùng lặp, dư thừa, không mất nguồn lực và chi phí để xử lý hoặc thu thập lại dữ liệu), đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả, đảm bảo sẵn sàng hỗ trợ, phục vụ cho các hoạt động chỉ đạo điều hành, ban hành chính sách của cơ quan nhà nước và phục vụ phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện các thủ tục hành chính.

d) Tích hợp kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức vào Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành của từng cơ quan, đơn vị; tỷ lệ áp dụng dữ liệu trong phục vụ quản lý điều hành công việc trên môi trường số, trong kiểm tra, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt tối thiểu 70%.

đ) Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

e) 100% cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của tỉnh được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình đảm bảo an toàn thông tin 04 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

3. Phát triển dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số

a) Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp gồm: Dữ liệu đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản cho các vùng sản xuất nông

nghiệp trên địa bàn tỉnh phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp; hình thành dữ liệu của toàn bộ chuỗi quy trình sản xuất, kinh doanh, chế biến, quản lý giám sát nguồn gốc, cung ứng các sản phẩm nông nghiệp quan trọng, đảm bảo việc cung cấp thông tin minh bạch, chính xác, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. 100% dữ liệu truy xuất nguồn gốc, xuất xứ được cung cấp kèm theo cho các sản phẩm OCOP đăng bán trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.

b) Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng, bao gồm: dữ liệu về mạng lưới sản xuất, truyền tải, tiêu thụ điện trên địa bàn tỉnh phục vụ việc vận hành tối ưu hệ thống điện, hiện đại hóa hệ thống điều độ, vận hành, thông tin liên lạc, điều khiển và tự động hóa phục vụ điều độ lưới điện; dữ liệu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, mạng lưới, chuỗi cung ứng sản xuất cơ bản trong các hoạt động công nghiệp từ nguyên liệu thô tới thành phẩm thương mại; dữ liệu về logistics, vận chuyển, kho bãi; dữ liệu về thị trường thương mại, hành vi tiêu dùng, nhu cầu quảng cáo của các nhãn hàng trên thị trường nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất, tiêu thụ hàng hóa của các đơn vị sản xuất, xây dựng các kênh phân phối hàng hóa hiệu quả và giám sát chặt chẽ nhu cầu thị trường,...

c) 90% các di sản văn hóa, di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt nằm trên địa bàn tỉnh được số hóa, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số, di sản số, có hiện diện số trên môi trường mạng để mọi người dân, khách du lịch có thể truy cập, tra cứu tìm hiểu thuận lợi trên môi trường số; 100% các danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ thông tin rộng rãi, kết hợp xây dựng các nền tảng số du lịch đồng bộ để quảng bá, phát triển du lịch, đưa du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững của tỉnh.

d) Hoàn thiện 100% cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu chuẩn hóa số lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề (bao gồm cả đào tạo tại trường và đào tạo, tích lũy kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội.

đ) 100% các bộ dữ liệu mở về lực lượng, thị trường lao động việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu trình độ, kỹ năng tương ứng được cung cấp và đảm bảo cập nhật chính xác, kịp thời, làm cơ sở triển khai các giải pháp dự báo nhu cầu, sự biến động về lao động, việc làm; người lao động có thể tiếp cận với dữ liệu về nhu cầu lao động, việc làm của xã hội và được tự động cung cấp gợi ý về danh sách việc làm phù hợp khi bị thất nghiệp.

e) Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành Giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

g) 100% dữ liệu không gian địa lý ngành Tài nguyên và Môi trường được số hóa, chuẩn hóa và liên thông, chia sẻ cho các cơ quan nhà nước... dưới dạng dịch vụ bản đồ và có thể chia sẻ cho các hệ thống thông tin của những lĩnh vực có sử dụng dịch vụ dữ liệu không gian địa lý kết nối, khai thác sử dụng.

h) 100% dữ liệu giám sát, quan trắc tự động việc xả thải của các khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường, các khu vực khai thác tài nguyên (đặc biệt tài nguyên đá) được đảm bảo đáp ứng nhu cầu kết nối về trung tâm giám sát tập trung của ngành Tài nguyên và Môi trường theo thời gian thực, phục vụ việc phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường.

i) 100% dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng và phương tiện giao thông, dữ liệu về kho, bãi được số hóa, cập nhật kịp thời, hỗ trợ giải quyết tốt những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận và logistics.

k) 95% các dữ liệu về y tế được xây dựng, tổ chức phù hợp với định hướng phân cấp quản lý để phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế.

l) Phát triển thị trường dữ liệu tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu (tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu,...) để tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn và người khuyết tật.

4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

100% các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của các sở, ngành, địa phương được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình đảm bảo an toàn thông tin 04 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức bộ máy, mạng lưới

a) Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ về dữ liệu, làm đầu mối theo dõi thực hiện nhiệm vụ phát triển hạ tầng dữ liệu, phát triển dữ liệu của tỉnh trên tinh thần không phát sinh thêm cơ cấu tổ chức bộ máy.

b) Mỗi sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cử một lãnh đạo làm đầu mối phụ trách về dữ liệu, chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành hoạt động về phát triển dữ liệu tại cơ quan, đơn vị.

2. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng

a) Triển khai tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức về dữ liệu số; tổ chức các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOC) để bồi dưỡng

kỹ năng đại trà cho người dân kiến thức cơ bản về sử dụng và quản lý dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu; bồi dưỡng kiến thức làm việc với dữ liệu và khai thác dữ liệu, giúp người dân tham gia và có kỹ năng, đảm bảo phát triển dữ liệu có chất lượng.

b) Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách về dữ liệu của các cơ quan nhà nước; xây dựng các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ về quản trị, phân tích, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu để thông qua các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ chuyên gia về dữ liệu tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng phát triển dữ liệu cho cơ quan nhà nước, doanh nghiệp.

c) Tổ chức tập huấn, phổ biến, diễn tập thường xuyên về đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh thông tin, giám sát ứng cứu, xử lý sự cố, bảo vệ hạ tầng dữ liệu của tỉnh.

3. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

a) Triển khai thực hiện các đề án, chương trình về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dữ liệu số.

b) Nghiên cứu đưa bộ môn khoa học dữ liệu vào chương trình đào tạo ở các trường cao đẳng, trung cấp với tất cả các ngành học về công nghệ thông tin, kỹ thuật, kinh tế, xã hội từ cơ bản đến nâng cao để đào tạo ra nhiều nhân lực làm việc trong ngành dữ liệu.

4. Nghiên cứu và phát triển

a) Nghiên cứu các công nghệ về phân tích dữ liệu, xử lý dữ liệu; phát triển các mô hình trí tuệ nhân tạo, các thuật toán chuỗi khối ứng dụng cho dữ liệu mở, dữ liệu lớn phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của tỉnh.

b) Nâng cao toàn diện khả năng nghiên cứu kỹ thuật thúc đẩy các công nghệ tiên tiến về dữ liệu lớn.

5. Hợp tác nhà nước doanh nghiệp

a) Tạo lập môi trường phát triển thị trường dữ liệu lành mạnh, an toàn và đúng pháp luật, qua đó thúc đẩy các dịch vụ dữ liệu, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân.

b) Triển khai phương án nhà nước, doanh nghiệp đặt hàng các trung tâm nghiên cứu, các doanh nghiệp công nghệ phân tích, xử lý số liệu phục vụ mục đích định hướng kinh doanh, hỗ trợ ra quyết định.

c) Nhà nước xây dựng một số công cụ thu thập, phân tích dữ liệu sử dụng chung để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ; nghiên cứu, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số phát triển các nền tảng chuyển đổi số để thông qua các nền tảng làm giàu dữ liệu và tạo lập được hệ sinh thái dữ liệu của tỉnh đa dạng.

d) Phát triển không gian dữ liệu cộng đồng trên cơ sở phối hợp và đóng góp dữ liệu từ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân, tiến tới hình thành kho dữ liệu, các bộ dữ liệu mở, dữ liệu lớn dùng chung, dữ liệu mẫu để phát triển các giải pháp và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

6. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

a) Bổ sung các chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu vào Bộ chỉ số chuyên đổi số của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Định kỳ hàng năm công bố kết quả chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu cùng với Bộ chỉ số chuyên đổi số của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về mức độ phát triển dữ liệu của tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Là cơ quan đầu mối thực hiện nhiệm vụ phát triển dữ liệu, tư vấn các vấn đề về dữ liệu, quản lý, theo dõi, giám sát việc khai thác sử dụng hiệu quả dữ liệu của tỉnh và kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý, theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này, tập trung vào các nội dung:

- Hướng dẫn, hỗ trợ các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện.

- Theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện; làm đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo về chuyên đổi số tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của giá trị dữ liệu, phát triển, khai thác sử dụng, chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

- Bổ sung các chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu vào Bộ chỉ số chuyên đổi số của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để đánh giá kết quả phát triển dữ liệu của các cấp và theo dõi, đánh giá hàng năm.

c) Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hàng năm; đề xuất xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết) trong các năm tiếp theo.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách và tình hình thực tế của địa phương, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn chi đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ dự án phát triển dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch này; báo cáo kết quả triển khai thực hiện (lồng ghép vào báo cáo kết quả chuyển đổi số định kỳ) về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực, ngành phụ trách, quản lý theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và theo tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

5. Báo Hà Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nam

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của giá trị dữ liệu, phát triển, khai thác sử dụng, chia sẻ dữ liệu hiệu quả. Kịp thời đưa tin, bài về các ý tưởng, sáng kiến, cách làm đột phá, sáng tạo trong hoạt động phát triển, khai thác sử dụng, chia sẻ dữ liệu.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ;
- Các sở, ban, ngành;
- UBMT tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Hà Nam, Đài PTTH Hà Nam;
- Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên hiệp các hội KHKT tỉnh;
- VPUB: CPVP, TH, VXNV;
- Lưu: VT, VXNV_(Dân).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Vượng